

Số: 11 /NQ-HĐND

An Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;
Xét Tờ trình số 397/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 09 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư 1.489.601 triệu đồng.

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm B thành dự án nhóm A tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh với tổng mức đầu tư 1.803.091 triệu đồng.

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 06 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là 1.111.451 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 và 03 đính kèm)

Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt



PHỤ LỤC 01

DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiền độ thực hiện
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG						1.489.601	145.346	1.259.697	84.558	0		
Dự án nhóm B						1.489.601	145.346	1.259.697	84.558	0		
I	Nông nghiệp					145.346	145.346	0	0	0		
1	Tuyển dân cư trung tâm xã Khánh An	An Phú	UBND huyện An Phú	4,59ha; 282 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	75.481	75.481				2020-2024	04 năm
2	Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình	An Phú	UBND huyện An Phú	3,38ha; 144 nền	Xây dựng Cụm dân cư ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân trong khu vực, góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện An Phú.	69.865	69.865				2020-2024	04 năm
II	Giao thông vận tải					416.877	0	375.391	41.486	0		
1	Tuyến tránh đoạn Km11 đến Km15 và cầu Mương Khai - Đường tỉnh 951	Phủ Tân	BQLDA ĐTXD CTGT	Chiều dài tuyến 6km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	297.000		297.000			2021-2024	04 năm
2	Đường đê kênh Hòa Bình	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	1220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông	119.877		78.391	41.486		2020-2024	04 năm
III	Du lịch					179.468	-	136.396	43.072	-		
1	Trung tâm Hội nghị thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	5500m2	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước và công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		136.396	43.072		2021-2024	04 năm
IV	Y tế					747.910	0	747.910	0	0		
1	Bệnh viện Sản – Nhi An Giang, giai đoạn II: Khối Nhi 200 giường	Long Xuyên	BV Sản Nhi	200 giường: Khối kỹ thuật nghiệp vụ nhi và điều trị nội trú 180 giường và khoa nhi 20 giường; Hệ thống các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	363.170		363.170			2020-2024	04 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Bệnh viện Mắt – Tai mũi họng – Răng hàm mặt tỉnh An Giang	Long Xuyên	BV Mắt-TMH-RHM	150 giường: Tổng diện tích sàn xây dựng bao gồm sân thượng + mái 13.320,1 m ² , bao gồm khối nhà quy mô 9 tầng + sân thượng + mái	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	272.571		272.571			2021-2025	04 năm
3	Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD và KVPTĐT AG	Tổng diện tích khu đất 2.452,3 m ² ; Khối nhà chính, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị	Hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	47.564		47.564			2020-2024	04 năm
4	Trung tâm y tế thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	UBND TPLX	Khối nhà chính (khu A), công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; bổ sung: trang thiết bị y tế, thang máy và máy phát điện dự phòng	Các phòng khoa khám chữa bệnh khu A đang xuống cấp nghiêm trọng. Nhằm tạo điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất cho trung tâm y tế góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân	64.605		64.605			2019-2022	04 năm



PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B THÀNH DỰ ÁN NHÓM A

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh)

BVT: Triệu đồng

STT	Nhóm dự án/Lĩnh vực/Danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt						Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư									
							Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG CỘNG						1.125.000	900.000	225.000	0	0					1.803.091	1.399.000	404.091	0	0		
	Dự án nhóm A						1.125.000	900.000	225.000	0	0					1.803.091	1.399.000	404.091	0	0		
1	Giao thông vận tải						1.125.000	900.000	225.000	0	0					1.803.091	1.399.000	404.091	0	0		
1	Nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945)	Châu Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên	Ban QLDA BTXD công trình giao thông	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 425km, cấp đường là cấp IV. Phần cầu: 31 cầu. BTCT.	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.125.000	900.000	225.000			2017-2022	05 năm	Phần đường: Chiều dài tuyến đầu tư dài 40,55km, đường cấp IV. Phần cầu: 21 cầu BTCT, 12 công hộp, 6 công thủy lợi và 66 công tròn	Nhằm điều kiện giao thông thông suốt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với nhau, đáp ứng nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch của tỉnh An Giang nói riêng và các tỉnh lân cận nói chung.	1.803.091	1.399.000	404.091			2017-2024	08 năm



PHỤ LỤC 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư										
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)			Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện		
																	Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
TỔNG CỘNG								747.340	223.900	513.658	9.782	0			1.111.451	202.596	899.073	9.782	0					
I Giao thông vận tải								308.562	0	308.562	0	0			683.454	0	683.454	0	0					
1	Cầu Phú Hòa	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 19/7/2018	58,1m dài	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	188.561		188.561			2018-2021	04 năm	56,76m dài, 02 công tròn Ø1500	Đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường tỉnh 943, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà nói chung và huyện Thoại Sơn nói riêng	187.196		187.196			2018-2022	04 năm		
2	Nâng cấp Đường tỉnh 949	Tri Tôn-Tịnh Biên	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	21900m	Tạo điều kiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân trong khu vực, nâng cấp hệ thống giao thông đường vành đai biên giới nối liền giao thông của khu vực với các vùng lân cận, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.	120.001		120.001			Sau 2020		Chiều dài tuyến 18,705km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, quá tải.	496.258		496.258			2020-2024	04 năm		
II Giáo dục và đào tạo								81.200	0	81.200	0	0			85.351	0	85.351	0	0					
1	Mua sắm thiết bị phòng bộ môn ngoại ngữ cho cấp tiểu học và trung học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020	Toàn tỉnh	Sở GD&ĐT	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường, phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	81.200		81.200			2016-2020	05 năm	Mua sắm trang thiết bị 241 phòng học bộ môn ngoại ngữ cho một số điểm trên địa bàn tỉnh An Giang	Nhằm mở rộng quy mô dạy học tiếng Anh dành cho các cấp học, giảng dạy hệ thống từ lớp 3 đến hết lớp 12 theo chương trình mới 10 năm, vận dụng 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở tất cả các trường, phổ thông. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trình độ bậc 1/6, tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2/6, tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3/6. Đảm bảo đủ trang thiết bị, phòng học bộ môn, tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa, mỗi trường có ít nhất một phòng học bộ môn ngoại ngữ.	85.351		85.351			đến hết năm 2021	06 năm		

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt									Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư									
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiền độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiền độ thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
III	Văn hóa						47.047	0	37.265	9.782	0					53.419	0	43.637	9.782	0		
1	Nhà thiếu nhi huyện Chợ Mới	Chợ Mới	Tỉnh đoàn AG	Nghị quyết 24/NQ-HĐND 08/12/2017	Khối hội trường, khối hành chính; công trình phụ trợ, HTKT, thiết bị và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện Chợ Mới có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học	47.047		37.265	9.782		GD 1: 2016-2020, GD 2: sau 2020	3 năm	Khối hội trường, khối hành chính; công trình phụ trợ, HTKT, thiết bị và các hạng mục xã hội hóa	Nhằm tạo cơ sở vật chất để các em thiếu nhi của huyện Chợ Mới có nơi vui chơi, rèn luyện nhiều kỹ năng trong những thời gian không đến trường học	53.419		43.637	9.782		2016-2022	07 năm
IV	Thương mại						310.531	223.900	86.631	0	0					289.227	202.596	86.631	0	0		
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại - Dịch vụ cửa khẩu Khánh Bình (giai đoạn 1), thị trấn Long Bình	An Phú	BQL Khu kinh tế	Nghị quyết 24/NQ-HĐND 08/12/2017	San lấp mặt bằng 34,42ha + GT + thoát nước	Tạo quỹ đất sạch xây dựng các khu chức năng để kêu gọi các nhà đầu tư, dần gòhời kết nối với hệ thống HTKT hiện hữu nhằm từng bước hoàn chỉnh quy hoạch được duyệt	224.000		223.900	100		2016-2020	5 năm	San lấp mặt bằng 34,42ha + GT + thoát nước + Hạ tầng thiết yếu	Xây dựng các khu chức năng và cơ sở hạ tầng đồng bộ để kêu gọi đầu tư thuận lợi, thúc đẩy kinh tế cửa khẩu Việt Nam (CK Khánh Bình) - Campuchia (Cửa khẩu Cray Thom) phát triển	202.696	202.596	100		2016 - 2021	06 năm	
2	Hạ tầng khu tái định cư Vĩnh Xương mở rộng	TX Tân Châu	BQL Khu kinh tế	Nghị quyết 24/NQ-HĐND 11/12/2019	79.095,4 m2	Phục vụ tái định cư cho các hộ dân thuộc các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương	86.531		86.531			2020-2024	5 năm	80.518m2	Phục vụ tái định cư cho các hộ dân thuộc các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương	86.531		86.531			2020-2023	05 năm